

MẠNG LƯỚI SÔNG NGÒI VIỆT NAM

VIETNAM RIVERS NETWORK

Số 06 - Tháng 12 năm 2010

Trong số này

- 1 **Hoạt động mạng lưới**
Hội thảo thường niên VRN
Tổng kết hoạt động năm 2010 và
Phương hướng năm 2011
- 2 **Môi trường sông và Đa dạng sinh học**
Ngăn chặn khủng hoảng
trên sông Mê Kông (Kỳ 2)
- 4 **Di dân tái định cư**
Người dân lòng hồ sau 30 năm
thực hiện tái định cư Thủy
điện Hòa Bình
- 6 **Giới và sinh kế**
Khát vọng lên bờ
của cư dân ven đò ven Sông
Lô (Tuyên Quang)
- 8 **Năng lượng tái tạo, thủy điện - thủy lợi**
Năng lượng tái tạo ở Việt Nam:
Tiềm năng nhiều, ứng dụng ít



- 10 **Tin tức, sự kiện - News**
Đề nghị kiểm điểm vận hành
xả lũ thủy điện Sông Ba Hạ

Vệ tinh giúp xác định
vị trí nguồn nước

Ban Biên tập

Chịu trách nhiệm chính: TS. Trần Văn Hà
Thư ký: CN. Hoàng Thị Tú Oanh

Địa chỉ liên hệ

Phòng 801, tòa nhà HACISCO, số 15
ngõ 107, Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội
ĐT: (04) 3773 0828 - Fax: (04) 3773 9491
Email: rivervietnam@warecod.org.vn

Web: www.warecod.org.vn

Bản tin ra 2 tháng/số. Giấy phép xuất bản
số 14/GP-XBBT, ngày 29/2/2008.

Cục Báo chí - Bộ Thông tin và Truyền thông

Thiết kế

T+T Design

tntdesignvn@yahoo.com

HOẠT ĐỘNG MẠNG LƯỚI

Hội thảo thường niên VRN

Tổng kết hoạt động năm 2010 và Phương hướng năm 2011



Các đại biểu đến tham dự Hội thảo

Trong 2 ngày 26 và 27 tháng 11 năm 2010, Mạng lưới Sông ngòi Việt Nam (VRN) đã tổ chức Hội thảo thường niên lần thứ 5 tại Tam Đảo (Vĩnh Phúc) để tổng kết hoạt động năm 2010, cập nhật điều lệ và chương trình hành động của VRN tới 2015 và xây dựng kế hoạch hoạt động năm 2011. Tham gia Hội thảo gồm 70 thành viên là cá nhân, tổ chức phi chính phủ trong nước và quốc tế.

Sau khi nghe đại diện Ban điều hành tại các khu vực miền Trung và Tây Nguyên, Nam Bộ báo cáo hoạt động, 2 chủ nhiệm đề tài dẫn đầu trình bày kết quả nghiên cứu đạt được về: 1) Tác động xả lũ của thủy điện Ba Hạ đối với vùng hạ lưu Sông Ba, Phú Yên; 2) Giá trị kinh tế của nguồn lợi thủy sản đến sinh kế của người dân hạ lưu ven sông Mê Kông; Cùng với triển lãm nhỏ về 3 nghiên cứu còn lại: 1) Thiết lập và sử dụng bộ chỉ thị môi trường đánh giá nhanh sức khỏe sông dành cho cộng đồng; 2) Đánh giá ô nhiễm một đoạn sông Cấm; 3) Sự tham gia của các bên liên quan trong quá trình ra quyết định phát triển thủy điện Sa Pa. Các đề tài đã được đại biểu tham dự quan tâm và thảo luận rất sôi nổi với nhiều ý kiến bình luận và câu hỏi đặt ra cho các nhóm nghiên cứu hoàn thiện báo cáo cuối cùng sau thời gian kết thúc Hội thảo.

Các đại biểu cũng cập nhật những vấn đề mới trong Điều lệ do Ban điều hành nêu bổ sung và tập trung thảo luận xây dựng định hướng hoạt động năm 2011 của VRN. Dựa vào phương hướng hoạt động được xây dựng từ Hội thảo này, Ban Điều hành VRN sẽ kết hợp hành động với các nhóm khu vực sẽ tiếp tục phát huy và mở rộng các hoạt động truyền thông, nghiên cứu và nâng cao năng lực cho thành viên ở những địa bàn cụ thể. Đồng thời, tăng cường mở rộng quan hệ với các cơ quan nhà nước và báo chí để tạo thêm những đóng góp mới của Mạng lưới sông ngòi Việt Nam đối với sự phát triển của đất nước.

Kim Ngân, Văn phòng VRN

Ngăn chặn khủng hoảng trên sông Mê Kông (Kỳ 2)

Nếu các quốc gia ven sông chọn tiếp tục hướng giải quyết hiện tại của họ, sông Mê Kông, một phần quan trọng trong tăng trưởng kinh tế và một nguồn sinh kế cho hàng chục triệu người, sẽ lâm nguy trong những thập kỷ tới. Nhưng nếu họ hoàn toàn nắm được mức độ nghiêm trọng của mối đe dọa này và tập trung quyết tâm cá nhân và tinh thần tập thể, họ có thể cộng tác với các nước bên ngoài không chỉ để giảm thiểu, mà còn ngăn chặn một cuộc khủng hoảng an ninh có khả năng tàn phá khu vực với những tác động sâu rộng. Tương lai của một trong những con sông lớn nhất thế giới đang nằm trong tay của họ.

Vượt qua thách thức trong tương lai

Trong khi các mối đe dọa nghiêm trọng đối với tương lai của sông Mê Kông là rõ ràng, hướng giải quyết mà các quốc gia ven sông chọn lại rất mù mờ. Nếu các quốc gia Mê Kông tin rằng hợp tác khu vực và các biện pháp chủ động dựa vào nhà nước (như áp dụng các mô hình chi phí lợi ích cứng nhắc để đánh giá các dự án thủy điện) là không thể, họ vẫn phải tìm cách giảm thiểu những tác động từ biến đổi khí hậu, sức ép dân số, áp lực tăng trưởng, và từ các dự án thủy điện. Do nông nghiệp (ngành sử dụng lượng nước lớn nhất tại các nước GMS), công nghiệp và các trung tâm đô thị có khả năng cạnh tranh ngày càng gay gắt để giành nguồn cung cấp nước dân bị cạn kiệt dần trong tương lai cùng với sự giảm sút sản lượng mùa vụ do biến đổi khí hậu, bất kỳ phương pháp ứng phó nào cũng cần những nỗ lực để tăng cường sản xuất lương thực và cải thiện hiệu quả sử dụng nước.

Về mặt sản xuất lương thực, trọng tâm cần được đặt vào việc giảm hao hụt sau thu hoạch (hiện tại đang chiếm tới 10-40% sản lượng) thông qua các biện pháp như kiểm soát sâu bệnh tốt hơn và quản lý đất hiệu quả hơn bằng cách quản lý xói mòn, luân phiên mùa vụ, và sử dụng các kỹ thuật canh tác bảo tồn. Theo Viện Quản lý nước Quốc tế (IWMI), quản lý nước quan trọng không kém gì việc cải thiện hiệu suất của các công trình thủy lợi công cộng. Do đó, các quốc gia phải chủ động trong những nỗ lực quản lý nước, ưu tiên các

kỹ thuật như thu gom và lưu trữ nước mưa và dòng chảy, và đánh giá toàn diện tiềm năng nước ngầm trong khu vực.

Để xây dựng một hệ thống nông nghiệp có khả năng thích ứng ở vùng sông Mê Kông trước sức ép biến đổi khí hậu, không còn cách nào tốt hơn là cải thiện sinh kế của nông dân và ngư dân sản xuất quy mô nhỏ, những đối tượng dễ bị tổn thương. Theo số liệu sẵn có từ Chương trình Môi trường Liên Hiệp Quốc (UNEP), một số chỉ tiêu cơ bản về cuộc sống của các cư dân tại sông Mê Kông còn khá thấp mặc dù đã được cải thiện trong vài thập kỷ qua. Tỷ lệ tử vong ở trẻ sơ sinh và bà mẹ vẫn còn cao. Gần 38% dân số thiếu tiếp cận với nước uống an toàn, và 29 triệu người thiếu điều kiện vệ sinh, cụ thể là ở Lào, Campuchia và Myanmar. Gia tăng sức ép về nguồn lực sẵn có và sự cố thời tiết bất ổn có thể biến tình trạng đáng lo ngại này thành một cuộc khủng hoảng nhân đạo báo động, dẫn đến thương vong, bệnh tật và di cư. Do đó, các chính phủ ít nhất nên thực hiện những nỗ lực phối hợp để ngăn ngừa viễn cảnh này bằng cách giúp các cộng đồng này đảm bảo quyền về đất đai, khuyến khích họ đa dạng hoá sản xuất và tăng thêm các công việc phi nông nghiệp để phân tán rủi ro, cung cấp cho họ các mạng lưới an toàn tài chính. Đồng thời, các chính phủ cũng nên phát triển các khoản chi dự phòng thiên tai và các tình huống khẩn cấp có tính tới các nguy cơ.

Nếu các quốc gia ven sông chủ động hơn trong cách tiếp cận, họ sẽ vượt qua được các biện pháp còn hạn chế và cố gắng thực hiện

phát triển bền vững trên diện rộng cấp nhà nước. Như vậy, ít nhất các cộng đồng bị ảnh hưởng ở vùng sông Mê Kông phải được đề cập tới khi thảo luận về các đập nước và các dự án phát triển khác, thay vì hạn chế quá trình ra quyết định theo cấp bậc của chính phủ ở Trung ương hoặc các tỉnh.

Ngoài ra, các đánh giá chi phí lợi ích toàn diện hoặc các nghiên cứu cần đảm bảo được tiến hành trước khi các dự án này bắt đầu để họ nhận thức được đầy đủ về bài toán đánh đổi họ đang thực hiện. Hiện nay, thực tế sự ràng buộc của giới chính trị cấp cao và các nhà tài trợ đối với một số dự án dường như đang gây trở ngại cho quá trình này. Khó khăn khác đến từ việc thiếu kiến thức kỹ thuật để thực hiện những nghiên cứu này và một số quan niệm sai lầm cố hữu về sự phát triển, bao gồm cả thực tế rằng đánh bắt cá là “lỗi thời” so với thủy điện “hiện đại”, hay thủy điện là “sạch” mặc dù cũng góp phần phát thải khí nhà kính.

Tuy nhiên, việc đánh giá này đóng vai trò quan trọng để cân bằng giữa quá trình phát triển và vấn đề môi trường cấp bách, đặc biệt kể từ khi thuế môi trường và biến động kinh tế có khả năng diễn ra ngay lập tức trong khi các cơ hội việc làm thay thế có thể mất nhiều năm để hình thành. Chẳng hạn, liệu sự suy giảm sản lượng đánh bắt cá dự kiến sẽ tác động như thế nào tới chế độ ăn uống truyền thống của người Campuchia trong khi cá chiếm tới 70% mức tiêu thụ đạm của dân cư nước này? Một số đánh giá đã chỉ ra rằng diện tích đất thích hợp cho phát triển chăn nuôi gia súc tại các quốc gia Mê Kông sẽ không đủ để bù đắp tổn thất bởi ngành đánh bắt cá, trong khi nhập khẩu cá hoặc các nguồn đạm khác từ nước ngoài sẽ tiêu tốn nhiều khoản chi phí đáng kể hơn.

Lý tưởng nhất, các quốc gia ven sông cũng sẽ có thể theo đuổi hợp tác sông xuyên biên giới để ngăn chặn các mối đe dọa bên cạnh các chính sách phản ứng và chủ động ở cấp nhà nước. Tuy nhiên, để hiện thực các bước tiến hành cấp khu vực, trong một số trường hợp nhất định, họ phải dám thực hiện các hoạt động chưa có tiền lệ với các tổ chức bên ngoài.

Thứ nhất, tất cả các bên sẽ phải gạt những oán hận lịch sử và những khác biệt chính trị sang một bên trong việc công nhận những thách thức nghiêm trọng và chia sẻ thêm thông

tin về dự án phát triển riêng lẻ trên sông Mê Kông căn cứ theo Hiệp định 1995 về hợp tác cho phát triển bền vững của Lưu vực sông Mê Kông. Đặc biệt, họ nên cố gắng tuân theo một bộ các hướng dẫn hay tiêu chuẩn nào đó để tiến hành nghiên cứu tác động môi trường cho các dự án đập. Trong khi điều này có vẻ được lý tưởng hóa, đã có dấu hiệu cho thấy một số ít quốc gia đã sẵn sàng “suy nghĩ ở cấp khu vực” về sông Mê Kông. Ví dụ, trong một cuộc họp tháng bảy năm 2009 với một nhóm các tổ chức phi chính phủ, Thủ tướng Thái Lan Abhisit Vejjajiva cho biết Thái Lan một mình không thể “đồng ý hay không đồng ý” với các dự án được đề xuất cho sông Mê Kông, và chỉ ra rằng xây dựng đập chỉ có thể diễn ra sau khi “tham khảo ý kiến ... dựa trên dữ liệu thu được từ các cuộc điều tra mà phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế và được chấp thuận bởi tất cả các bên liên quan”. Mặc dù nỗ lực cũng mới chỉ thu hút được từ sự chú ý Việt Nam, dù sao đó cũng là một bước tiến đáng hoan nghênh. Ngoài ra, lần đầu tiên Hội nghị thượng đỉnh Ủy hội Sông Mê Kông (MRC) được tổ chức vào tháng tư năm nay, Lào, Việt Nam, Campuchia và Thái Lan đưa ra được một tuyên bố nhấn mạnh chín lĩnh vực chung cho “hành động ưu tiên”, bao gồm cả nghiên cứu và giải quyết những tác động của biến đổi khí hậu và tăng cường quản lý lũ lụt và hạn hán.

Thứ hai, Trung Quốc và Myanmar sẽ phải tham gia vào MRC như thành viên chính thức chứ không chỉ dừng lại là các bên tham gia đối thoại. Không có kế hoạch quản lý khu vực sông Mê Kông nào có thể được hoàn thành hoặc có hiệu quả mà không cần sự tham gia của tất cả các quốc gia ven sông. Cụ thể, Trung Quốc nên đồng ý với các nguyên tắc nhất định về đảm bảo rằng các đập nước của nước này sẽ không làm thay đổi căn bản mực nước tự nhiên. Thậm chí nếu Trung Quốc lựa chọn không gia nhập, Trung Quốc ít nhất phải công khai tất cả các dữ liệu thủy văn có liên quan về tác động của đập tới hạ lưu và lồng ghép vào các dữ liệu và đánh giá của MRC về Hạ lưu sông Mê Kông chứ không chỉ giới hạn nguồn cung cấp thông tin như hiện nay. Không có dữ liệu đầy đủ thì không thể đưa ra được các quyết định về quản lý sông. Đối với các quốc gia LMB, đây không chỉ đơn thuần là việc áp dụng các lý thuyết hàn lâm: trong năm 2000, lũ lụt nghiêm trọng bất ngờ cướp đi sinh mạng của 800 người Campuchia và Việt Nam, ảnh

hưởng tới cuộc sống của 8 triệu người và tổng thiệt hại ước tính cho hai quốc gia này tương đương với 430 triệu đô la Mỹ. Nhiều báo cáo về mực nước tiến hành thường xuyên hơn sẽ cung cấp cho cán bộ ở những nước này thêm thời gian để tuyên truyền những thay đổi nhanh chóng về “cái chết” của dòng sông tới nông dân sống dọc theo sông Mê Kông, qua đó ngăn chặn thương vong và đập tắt nghi ngờ về cáo buộc Trung Quốc thiếu quan tâm cho những gì xảy ra hạ lưu.

Điều đáng nhấn mạnh ở đây rằng đó cũng là vì lợi ích của chính Trung Quốc khi tiết lộ các thông tin này ngay bây giờ. Đợt khô hạn ở Đông Á hồi đầu năm nay, mực nước của sông Mê Kông thấp nhất trong hai thập kỷ gần đây, các chính phủ và các nhóm môi trường đều ngay lập tức đổ lỗi cho việc đập đập của Trung Quốc, trong khi thực tế, một vài chuyên gia (bao gồm cả MRC) đã có kết luận rằng điều kiện khí hậu bất thường là nguyên nhân căn bản. Bắc Kinh thẳng thừng bác bỏ các lời cáo buộc, nhưng nghi ngờ sẽ không dấy lên nếu ngay từ đầu Trung Quốc minh bạch hơn về dữ liệu thủy văn của mình. Do vậy, sự minh bạch của Trung Quốc về dữ liệu thủy văn có thể không chỉ giúp các nước hạ nguồn, mà còn nâng cao hình ảnh chính bản thân nước này.

Thứ ba, các nước ven sông cùng các nước bên ngoài như Hoa Kỳ, Ngân hàng Thế giới và Ngân hàng Phát triển châu Á, phải giúp đỡ MRC và khuyến khích một môi trường thuận lợi cho tăng cường hợp tác xuyên biên giới. Ủy hội phải có khả năng không chỉ thực hiện nghiên cứu, mà còn cần công khai tất cả kết quả nghiên cứu hoặc chia sẻ giữa tất cả sáu nước trên tinh thần hợp tác phát triển bền vững. Ngoài ra, những nỗ lực phải được thực hiện để đảm bảo người kế nhiệm chức Giám đốc MRC hiện tại Jeremy Bird, người sẽ hoàn thành nhiệm kỳ ba năm vào tháng 3 năm 2011, sẽ có sự tập trung một cách công bằng giữa vấn đề của đập nước và phát triển bền vững. Điều đó xuất phát từ những lo lắng thực tế rằng giám đốc điều hành mới sẽ được chọn ra từ bốn quốc gia LMB mà có thể hạn chế tính chất độc lập của MRC. Hoa Kỳ cũng nên sử dụng đòn bẩy của mình để hướng các quốc gia vùng Mê Kông theo hướng bền vững bằng cách cung cấp công nghệ cần thiết và hỗ trợ nâng cao năng lực con người. Sáng kiến Hạ Lưu Mê Kông (LMI) được ký duyệt bởi chính quyền

Obama năm ngoái là một bước tích cực theo hướng này, nhưng việc thực hiện cần nhiều yếu tố và các nguồn lực to lớn hơn. Một vai trò mạnh mẽ hơn của Washington về vấn đề này có thể sẽ được đánh giá cao bởi các nước LMB, như là một đối trọng với ảnh hưởng của Trung Quốc cũng như là một nhà cung cấp chuyên môn kỹ thuật.



Nông nghiệp - ngành sử dụng lượng nước lớn nhất tại các nước GMS

Kết luận

Nếu các quốc gia ven sông chọn tiếp tục hướng giải quyết hiện tại của họ, sông Mê Kông, một phần quan trọng trong tăng trưởng kinh tế và một nguồn sinh kế cho hàng chục triệu người, sẽ lâm nguy trong những thập kỷ tới. Nhưng nếu họ hoàn toàn nắm được mức độ nghiêm trọng của mối đe dọa này và tập trung quyết tâm cá nhân và tinh thần tập thể, họ có thể cộng tác với các nước bên ngoài không chỉ để giảm thiểu, mà còn ngăn chặn một cuộc khủng hoảng an ninh có khả năng tàn phá khu vực với những tác động sâu rộng. Tương lai của một trong những con sông lớn nhất thế giới đang nằm trong tay của họ.

Theo Prashanth Parameswaran
Lan Ngọc lược dịch

Người dân lòng hồ sau 30 năm

Thực hiện tái định cư Thủy

Thủy điện Hòa Bình khởi công xây dựng ngày 6/11/1979 và vận hành năm 1994, với 8 tổ máy, tổng công suất 1.920 megawatt, hằng năm cung cấp lượng điện 8,16 tỷ KWh cho quá trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Vào thời kỳ này, di dân tái định cư Thủy điện Hòa Bình được thực hiện với 3 loại hình: (i) di vén tại chỗ lên cao trình 120m, (ii) di dân tái định cư xen ghép với người dân các khu vực trong tỉnh và (iii) di dân tái định cư tự nguyện do người dân có nhu cầu tự đến các địa phương khác ngoài tỉnh để sinh cơ lập nghiệp, trong đó hình thức di vén tại chỗ là chủ yếu.

Nghiên cứu này được tiến hành phỏng vấn 180 hộ gia đình ở 3 xã Suối Nánh, Yên Hòa và Vây Nưa, huyện Đà Bắc do Liên hiệp Hội KH&KT Hòa Bình thực hiện năm 2009, Tổ chức CARE quốc tế hỗ trợ về tài chính và chuyên gia. Mục đích nhằm đánh giá thực trạng đời sống và tính hiệu quả của các chính sách đối với người dân sau 30 năm TĐC và đề xuất các giải pháp để góp phần phát triển bền vững TĐC lòng hồ Thủy điện Hòa Bình. Bản tin VRN tóm tắt kết quả nghiên cứu này và trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc. Bài do ông Đan Tiếp Phúc, Tổng thư ký Liên Hiệp Hội KH&KT Hòa Bình cung cấp.

Về mức sống hiện tại

Sau gần 30 năm tái định cư cuộc sống của đồng bào vẫn còn nhiều khó khăn. Điều đó thể hiện qua việc 52,2% số đại diện được hỏi chia sẻ là thu nhập của họ dưới mức 200.000 đồng/tháng/người. Nếu theo tiêu chí mới của Bộ LĐ&TB XH về đói nghèo con số này sẽ lên đến 75,8%. Thực tế đó cho thấy cuộc sống của người dân TĐC chưa đạt được mức phục hồi như trước đây mặc dù đã có đến 2 chương trình hỗ trợ và chương trình giai đoạn 3 cũng đã được Chính phủ phê duyệt và đang xúc tiến triển khai.

Về tính phù hợp của chính sách đối với dân lòng hồ

Kết quả cho thấy, chính sách được đánh giá là thích hợp cao 50%, đánh giá cao nhất là

chính sách hỗ trợ khám chữa bệnh (49%), sau đó là chính sách cho vay vốn (48,9%), chính sách hỗ trợ giống phục vụ sản xuất (47,2%) và chính sách khoanh nuôi bảo vệ rừng (33,7%). Một đánh giá có liên quan là chính sách đầu tư cho người dân lòng hồ còn dàn trải, do vậy hiệu quả chưa cao.

Về các giải pháp sinh kế

Quá trình tái định cư từ 1980 lại đây, sinh kế của người dân lòng hồ vẫn không có gì thay đổi lớn. Kết quả điều tra cho thấy, hộ gia đình vẫn tiếp tục dựa vào sản xuất nông nghiệp, trong đó khu vực trồng cây lương thực và chăn nuôi gia súc gia cầm chiếm tỷ trọng lớn. Nguyên nhân chính xuất phát từ những hạn chế của các nguồn vốn sinh kế (con người, tài nguyên, xã hội, tài chính và cơ sở hạ tầng, tài chính). Tuy nhiên, để có những sinh kế mới tạo nên sự tăng trưởng trong thu nhập của người dân như tạo thêm ngành nghề, phát triển tổng hợp vùng, mở rộng và cải thiện giao thương với bên ngoài sẽ rất cần thiết phải có những nỗ lực không những từ người dân mà còn phải có sự hỗ trợ của nhà nước về chính sách, đầu tư cho sản xuất.

Vai trò của khoa học công nghệ

Công tác khuyến nông khuyến lâm là mảng chính có những hoạt động trên vùng, nhưng mức độ ảnh hưởng chưa mạnh và hoạt động quản lý vẫn theo cơ chế bao cấp. Hiệu quả áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất,



tăng cường năng lực trong quản lý và chế biến các sản phẩm nông nghiệp chưa được đầu tư thích đáng. Bên cạnh đó, sự tham gia của các tổ chức khoa học công nghệ ngoài nhà nước nhằm hỗ trợ cho phát triển sản xuất và kinh doanh của người dân lòng hồ còn rất hạn chế.

Vấn đề giáo dục

Thực tế cho thấy, vấn đề cần quan tâm của vùng là hiện tượng đa số các em học sinh chỉ học hết tiểu học và trung học cơ sở là dừng lại. Đặc biệt còn 4,6% không biết chữ. Đây là vấn đề Chính phủ cần xem xét và kết hợp với người dân địa phương để góp phần nâng cao dân trí cho người dân TĐC vùng đầu nguồn cũng như sự bền vững của các công trình phụ thuộc rất lớn vào năng lực quản lý và phát triển của người dân.

điện Hòa Bình

Thông tin tài trợ và tuyển dụng

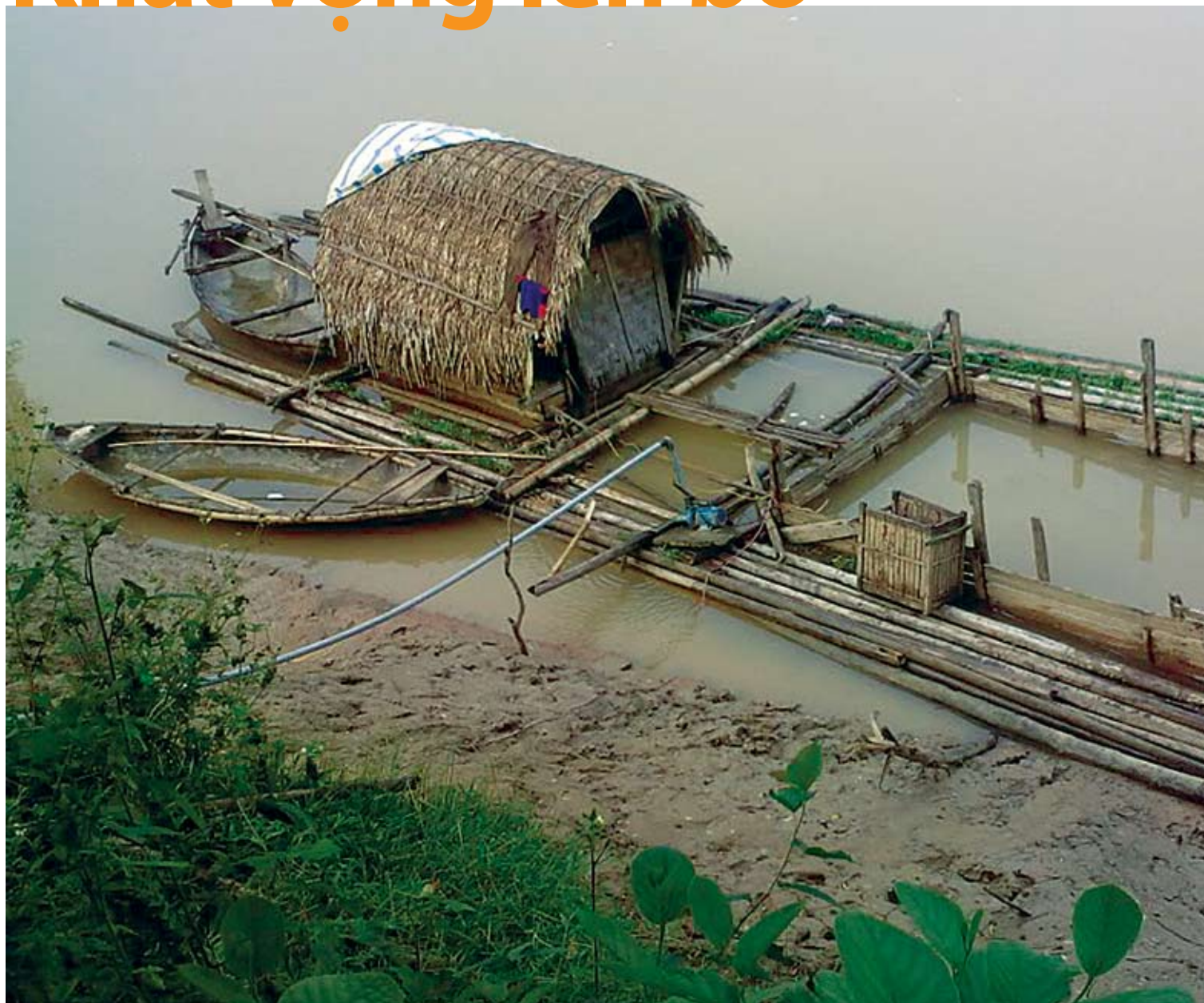
Quỹ Orskov – Chương trình tài trợ nhỏ về nông nghiệp. Quỹ này có thể cấp tài trợ lên đến 2.500 bảng Anh để hỗ trợ nông nghiệp của các nước đang phát triển, dành cho sinh viên hoặc các cộng đồng dân cư. Hạn chót : 31-1-2011. Xem chi tiết trên website <http://www.orskovfoundation.org/home>

Chương trình Nhà khoa học trẻ (YSSP) - Viện Nghiên cứu Quốc tế về Phân tích Hệ thống Ứng dụng (IIASA). Đây là chương trình học bổng thường niên kéo dài 3 tháng, dành cho các nhà nghiên cứu trẻ tài năng trong lĩnh vực môi trường toàn cầu, thay đổi kinh tế và xã hội. Hạn chót : 18-1-2011. Xem chi tiết trên website <http://www.iiasa.ac.at/Admin/YSPP/index.html?sb=1>

Học bổng châu Á – Quỹ Học bổng châu Á. Học bổng này hỗ trợ các sinh viên và nhà nghiên cứu tiến hành các cuộc nghiên cứu tại một quốc gia thành viên trong thời gian từ 6 đến 9 tháng. Hạn chót:15-1-2011. http://www.asianscholarship.org/asf/General%20information_Grant%20Information.php

Giải thưởng ASIA – Quỹ Học bổng châu Á. Hạn chót : 15-1-2011. Thông tin chi tiết xin xem tại http://www.asianscholarship.org/asf/General%20information_Grant%20Information.php

Khát vọng lên bờ



“Ước gì một lúc nào đó, cả gia đình của tôi sẽ được lên bờ sinh sống. Chứ cứ mãi lênh đênh trên sông nước như thế này khổ lắm. Những lúc trời đổ mưa, người nào người nấy trong gia đình cũng đều nơm nớp lo sợ...”. Lời tâm sự của bác Lê Mạnh Tuấn, một cư dân vạn đò đang sinh sống trên lưu vực con Sông Lô - đoạn chảy qua địa phận Thị xã Tuyên Quang (Tuyên Quang) khiến chúng tôi vừa cảm thông, vừa day dứt.

Đêm nằm lưng chẳng đến giường

Nơi khu dân cư vạn đò sinh sống trên dòng Sông Lô cách thị xã Tuyên Quang không xa. Đứng trên cầu Nông Tiến, có thể dễ dàng chứng kiến hình ảnh hàng chục “ngôi nhà” bè nối đuôi nhau thành hàng dài dọc hai bên bờ sông. Thi thoảng đâu đó từ những “ngôi nhà” này xuất hiện chiếc xuống thúng đi kèm là chiếc lưới vét. Thấy chúng tôi bờ ngõ, Trung tá Lý Văn Cát - Cán bộ Đội CSGT đường thủy (Phòng CSGT Công an tỉnh Tuyên



"Nhà" của người dân ven sông Lô

Quang) liên giải thích: "Họ đi làm đày. Vợ tôm, đánh cá chính là nghề kiếm sống chủ yếu của các cư dân vạn đò trên dòng Sông Lô này các anh ạ...!".

Mặt trời đã đứng bóng, chúng tôi ghé vào nhà nổi của vợ chồng bác Lê Mạnh Tuấn, 53 tuổi - một trong những cư dân vạn đò sinh sống lâu năm nhất tại địa phận phường Minh Xuân (thị xã Tuyên Quang). Sau ít phút vượt qua chiếc "cầu khi" chòng chành trên sông, chúng tôi đã có mặt trong gian nhà bè rộng

chưa đầy 20m². Chủ nhân ngôi nhà bè này đón khách và hướng dẫn chúng tôi bước tránh những thanh tre đã mục mà khách chỉ cần sơ ý giẫm lên thì có thể sa chân xuống nước.

Loay hoay pha chè mời khách, bác Tuấn tâm sự: "Gia đình chúng tôi đến nay đã 6 đời gắn bó với dòng sông Lô này. Nhiều thế hệ đã sống trên nhà bè. Không biết bao nhiêu lần phải sửa chữa, do sự xuống cấp của nhà bè. Căn nhà bè với diện tích chưa đầy 20m² này hiện có tổng cộng 7 nhân khẩu đang sinh sống. Tất tần tật mọi sinh hoạt chỉ gói gọn trong hai gian phòng này".

Kiểm từng con tôm, thả lưới đánh cá trên dòng Sông Lô là nghề chính hàng ngày của hai vợ chồng bác Tuấn. Bác Tuấn kể, nghề này, ngày may mắn thì được 30 - 40 ngàn đồng, còn lúc khan hiếm thì chỉ được 10 - 20 ngàn đồng/ngày, vốn vụn một vài kilôgam tôm, cá nhỏ. Cuộc sống theo đó luôn bấp bênh vất vả. "Gia đình chúng tôi không lúc nào là không mong muốn lên bờ cả. Cảnh sống lênh đênh sông nước này vất vả lắm", Bác Nguyễn Thị Tuyên, vợ bác Tuấn vừa giặt đồ vừa nói vọng vào.

Nước sinh hoạt thì mức nước sông lên đánh phèn để dùng, còn điện thì phải đi cầu nhờ những gia đình sinh sống trên bờ. Gia đình bác Tuấn cầu nhờ được dây điện từ trên bờ xuống với giá 3.000 đồng/kw, nhưng chỉ dám dùng thấp sáng và một chiếc quạt điện cho mấy cháu nhỏ học tập... Chi vật lộn với những nhu cầu sinh hoạt bình thường nhất nhưng đối với cư dân vạn đò như vợ chồng bác cũng đã hết sức khó khăn.

Mong chờ ngày được định cư trên bờ

Nước sinh hoạt thì mức nước sông lên đánh phèn để dùng, còn điện thì phải đi cầu nhờ những gia đình sinh sống trên bờ. Gia đình bác Tuấn cầu nhờ được dây điện từ trên bờ xuống với giá 3.000 đồng/kw

Anh Phúc bộc bạch: Gia đình bố mẹ đẻ ở ngay trên bờ cũng thuộc phường Nông Tiến. Nhưng sau khi lập gia đình, do không có đất để xây cất nhà trên bờ, nên năm 2000 anh đã cùng người vợ cất nhà bè trên dòng Sông Lô này. Tính đến nay, đôi vợ chồng trẻ này cũng

đã lênh đênh sông nước được gần 10 năm. Căn nhà bè của anh chỉ vồn vện 17m². Nhà cũ mục nát nên vợ chồng anh vừa phải vay mượn tiền để lợp lại toàn bộ phần mái. "Trông thế thôi vợ chồng em cũng phải đầu tư tới 5 triệu đồng mới đủ. Các anh ở trên bờ sướng, chứ dân vạn đò chúng em mỗi khi có mưa to, gió lớn, ai nấy trong gia đình đều nơm nớp lo sợ".

Hỏi đến thu nhập chính, anh Phúc cười xòa: "Vợ em nấu cơm cho những công nhân đang thi công kè bờ Sông Lô. Em thì đánh lưới dọc sông". Hai vợ chồng anh cũng vay mượn được mấy triệu đồng để nuôi một lồng cá. Tuy nhiên, thời gian gần đây, do nước sông ô nhiễm nhiều nên cá thường hay bị chết, thu nhập chẳng đáng là bao...

Nhìn cậu con trai đầu lòng mới 12 tuổi của vợ chồng anh Phúc đang vắt vèo ngay mạn bè, chúng tôi không khỏi ái ngại. "Cháu nó biết bơi đấy các anh ạ. Sống trên sông nước nên ngay từ nhỏ em đã dạy cho cháu biết cách làm cho cơ thể mình nổi lên. Mục đích nhằm để khi không may rơi xuống nước, cháu nó còn biết cho người nổi lên để gia đình cứu...". Ấy nhưng còn chuyện học hành của cháu, chuyện giao lưu với bạn bè, với xã hội... Anh Phúc chỉ cười, hoàn cảnh nào theo hoàn cảnh đó, anh ạ!

Nhà bác Tuấn, nhà anh Phúc chỉ là một trong những hộ gia đình trong số hàng chục cư dân vạn đò ven Sông Lô. Trò chuyện với chúng tôi những cư dân này tâm sự: "Cách đây khoảng 4 năm chính quyền địa phương cũng đã cử người xuống điều tra khảo sát nhân hộ khẩu và nghe đầu để chuẩn bị tái định cư cho dân vạn đò. Tuy nhiên chờ đợi đến nay vẫn chưa có kết quả".

Theo thống kê chưa đầy đủ của Đội CSGT đường thủy, Phòng CSGT tỉnh Tuyên Quang thì hiện tại số cư dân vạn đò trên dòng sông Lô đoạn qua thị xã Tuyên Quang lên đến gần 50 hộ. Những cư dân lâu năm ở đây bảo rằng, đây cũng là năm dòng Sông Lô cạn kiệt nhất trong hàng chục năm qua. Sông cạn, cá tôm ngày càng hiếm. Hơn lúc nào hết, họ khắc khoải mong chờ một quyết định tái định cư để được lên bờ ổn định cuộc sống.

Xuân Luận - Trần Huy

Năng lượng tái tạo ở Việt Nam:

Được đánh giá là nước có nguồn tài nguyên năng lượng tái tạo sạch khá dồi dào, nhưng ứng dụng công nghệ năng lượng tái tạo vẫn ở bước đầu chập chững và còn nhiều hạn chế ở Việt Nam. Theo “Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050”, được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt từ năm 2007, mục tiêu hướng tới của các nguồn năng lượng mới và tái tạo vẫn còn ở mức khiêm tốn (đạt tỉ lệ khoảng 5% tổng năng lượng thương mại sơ cấp đến năm 2010 và 11% vào năm 2050). Trong khi đó, nhu cầu sử dụng năng lượng đang gia tăng ở mức chóng mặt ở Việt Nam.

Theo số liệu của Bộ Công thương, tỉ lệ tăng trưởng nhu cầu năng lượng ở Việt Nam hiện tăng ở mức gấp đôi so với tỉ lệ tăng trưởng GDP. Trong khi đó, ở các nước phát triển, tỉ lệ này chỉ ở mức dưới 1. Tiêu thụ năng lượng của Việt Nam ngày càng gia tăng, gấp gần 5 lần trong giai đoạn từ năm 1990 đến năm 2004 (từ mức 4,21 triệu tấn dầu qui đổi lên 19,55 triệu tấn theo thứ tự), với một mức tăng trung bình hằng năm trong giai đoạn này là 11,7%/năm. Dự kiến, Việt Nam sẽ trở thành nước nhập khẩu năng lượng từ năm 2015.

Trong bối cảnh ngày càng cạn kiệt nhiên liệu hóa thạch nội địa, giá dầu thế giới tăng cao và sự phụ thuộc ngày càng nhiều hơn vào giá năng lượng thế giới, khả năng đáp ứng năng lượng đủ cho nhu cầu trong nước ngày càng khó khăn và trở thành một thách thức lớn. Như vậy, “việc xem xét khai thác nguồn năng lượng tái tạo sạch có ý nghĩa hết sức quan trọng cả về kinh tế, xã hội, an ninh lương thực và phát triển bền vững”, Thứ trưởng Bộ Công thương Nguyễn Nam Hải phát biểu trong một buổi hội thảo về các nguồn năng lượng mới, vừa được tổ chức tại Hà Nội. Ông cũng cho rằng “Việt Nam là nước có nguồn tài nguyên tái tạo sạch khá dồi dào, có khả năng thay thế các nguồn năng lượng hóa thạch, giảm thiểu tác động tới môi trường”.

Tiềm năng lớn

Theo Phó Vụ trưởng Vụ Năng lượng (Bộ Công thương) Lê Tuấn Phong, mỗi năm Việt Nam có khoảng 2.000- 2.500 giờ nắng với mức chiếu nắng trung bình khoảng 150 kCal/cm², tương đương với tiềm năng khoảng 43,9 triệu

tấn dầu qui đổi/năm. Trong khi đó năng lượng gió cũng khá hấp dẫn, có thể đạt công suất phát điện khoảng 800-1.400 kwh/m²/năm trên đất liền, từ 500-1.000 kwh/ m²/năm tại các khu vực bờ biển, Tây Nguyên và phía Nam và dưới 500 kwh/ m²/năm ở các khu vực khác. Năng lượng sinh khối qui đổi cũng vào khoảng 43-46 triệu tấn dầu trong đó 60% đến từ các phế phẩm gỗ và 4% đến từ phế phẩm nông nghiệp.

Riêng vùng Đồng bằng Sông Hồng, nơi vốn bị hạn chế về nguồn năng lượng gió và năng lượng Mặt trời bởi yếu tố khí hậu thì các nghiên cứu cho thấy năng lượng địa nhiệt lại tương đối ấn tượng. Nhóm nghiên cứu gồm các Tiến sĩ Đoàn Văn Tuyến, Đinh Văn Toàn và Nguyễn Đức Lợi thuộc Viện Địa chất (Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam) cho biết các dấu hiệu địa nhiệt khá phong phú, gồm bốn địa nhiệt vùng Đông Nam - Tây Bắc với nhiệt độ đạt tới 160°C tại độ sâu 4km (có khả năng sinh điện vào khoảng 1,16% tổng sản lượng điện của Việt Nam sản xuất năm 2006), đới địa nhiệt đứt gãy Sông Lô - Vinh Ninh có nhiệt độ trung bình khoảng 114°C, các nguồn nước địa nhiệt 40-50°C ở các điểm Hưng Hà, Phù Cừ, Hải Dương, Ba Vì (Hà Nội).

Theo tính toán của các nhà khoa học, chỉ riêng sử dụng bơm địa nhiệt dùng cho điều hòa không khí ở Hà Nội cũng sẽ tiết kiệm được khoảng 800 tỉ đồng/năm về mặt kinh tế và hơn thế nữa là giảm mức phát thải CO² ở mức tương đương với 252.000 tấn do sử dụng khí thiên nhiên. Bên cạnh đó, việc khai thác và sử dụng nước nóng ở vùng đồng bằng sông Hồng với nhiệt độ 40 - 50°C là hoàn toàn khả thi trong



Ảnh: Vietnamnet.vn

Tuabin điện gió tại xã Bình Thạnh, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận. Các qui hoạch xây dựng đô thị mới, công viên du lịch và khu vui chơi, nghỉ dưỡng.

Những nghiên cứu ban đầu

Mặc dù chưa được đầu tư đúng mức nhưng năng lượng tái tạo hiện cũng đã thu hút sự chú ý của một số cơ quan nghiên cứu trong nước.

Tiến sĩ Nguyễn Chánh Khê thuộc Trung tâm nghiên cứu và triển khai (SHTP Laps) cho biết hiện đã có một số hoạt động nghiên cứu tại Đại học Khoa học Tự nhiên TP. Hồ Chí Minh về pin mặt trời Gratzel ở mức hiệu suất 6%, trong khi loại pin này trên thị trường đã có ở mức 11%. “Hiện tại các chip pin mặt trời chủ yếu nhập từ Đức và Pháp và hiện chúng ta mới thực hiện việc đóng gói các sản phẩm này”, Tiến sĩ Khê nói.

Thách thức chung của các nghiên cứu ở Việt Nam hiện nay là giá thành vật liệu cao, do đó, các sản phẩm làm ra khó có thể cạnh tranh với hàng ngoại nhập. Trong khi đó, các nhà khoa học Nguyễn Tiến Khiêm, Ngô Quý Thêm (Viện Cơ học) cùng Đỗ Đình Khang (Công ty phát triển công nghệ) và Vũ Anh Tuấn (Công ty Yên Đồng) đưa ra báo cáo về “Công nghệ pin mặt trời vô định hình Silic và khả năng ứng dụng vào Việt Nam”. Theo nghiên cứu này, Việt Nam là một trong những nước nằm trong giải phân bố ánh sáng nhiều nhất trong năm theo bản đồ bức xạ mặt trời của thế giới nhờ bờ biển dài tới hơn 3.000 km. Trong khi đó có hàng nghìn đảo hiện có cư dân sinh sống mà nhiều nơi không thể đưa điện lưới tới được, vì vậy sử dụng năng lượng mặt trời tại chỗ để thay thế cho năng lượng truyền thống là một kế sách

Tiềm năng nhiều, ứng dụng ít

vô cùng có ý nghĩa về mặt kinh tế, văn hóa giáo dục và an ninh quốc phòng.

Việc ứng dụng năng lượng mặt trời ở Việt Nam hiện chưa phát triển, theo nhóm nghiên cứu này là do nhiều nguyên nhân nhưng chủ yếu là do giá cả của điện mặt trời hiện còn quá cao so với thủy điện và nhiệt điện. Nhiều quốc gia tiên tiến như Mỹ và Thụy Sĩ đang đi tiên phong trong việc cải tiến công nghệ chế tạo pin mặt trời để có chi phí thấp, nhằm giảm giá thành sản phẩm. Một trong những hướng nghiên cứu đó là nghiên cứu phát triển pin mặt trời vô định hình Silic (a-Silic). Đối với Việt Nam, vẫn theo nhóm nghiên cứu, việc phát triển công nghệ a-Silic có thể coi là bài toán tối ưu, thích hợp cho điều kiện địa hình dài và nhiều bờ biển. “Giá thành của pin a-Silic trên thế giới hiện chỉ còn vào khoảng 1 USD/wp trong khi giá thành của công nghệ Silic tinh thể vẫn còn cao hơn 5 - 6 lần”, nghiên cứu cho biết.

Một trong những ưu việt khác của công nghệ pin a-Silic là có thể làm việc hiệu quả trong các điều kiện thời tiết khắc nghiệt, sương mù hoặc điều kiện ẩm ướt chứ không chỉ ở môi trường nắng nóng, nhiệt độ cao. “Chúng tôi đã thí nghiệm theo dõi trong nhiều ngày liên thấy pin a-Silic vẫn làm việc tốt trong điều kiện mây mù”, báo cáo của nhóm nghiên cứu viết. Như vậy, nếu khai thác pin a-Silic làm đèn chiếu sáng thì chỉ cần một ngày nắng khoảng 10 giờ thì có thể thấp sáng cho 6 - 7 ngày mưa tiếp theo, nghiên cứu kết luận. Tất nhiên, tồn tại của công nghệ a-Silic là hiệu suất làm điện còn thấp, chỉ khoảng 10%.

Một hướng nghiên cứu khác cũng được Tiến sĩ Nguyễn Đức Nghĩa, Chủ nhiệm bộ môn Công nghệ hóa học Nano (Đại học Công nghệ) phối hợp với Phòng hóa học Nano (Viện Hóa học) tiến hành: đó là chế tạo pin mặt trời hữu cơ. “Những kết quả bước đầu mở ra triển vọng cho việc làm chủ công nghệ chế tạo pin mặt trời hữu cơ trong tương lai”, báo cáo của Tiến sĩ Nguyễn Đức Nghĩa cho biết.

Pin mặt trời hữu cơ có nhiều đặc tính hấp dẫn như có giá thành thấp, mềm dẻo, phù hợp với diện tích lắp đặt lớn và có màu sắc tự nhiên. Nhưng pin mặt trời hữu cơ cũng có một nhược điểm quan trọng, đó là hiệu suất hoạt động kém, chỉ bằng khoảng 1/3 hiệu suất của pin Mặt trời Silic tinh thể.

Sự tham gia của các doanh nghiệp

Không chỉ có các nhà khoa học và cho tới giờ, đã có rất nhiều doanh nghiệp tư nhân và nước ngoài tiên phong trong việc khai thác thị trường năng lượng tái tạo tại Việt Nam.

Liên doanh giữa Công ty Năng lượng Gió Fuhrlander AG của Đức và Công ty cổ phần Năng lượng Tái tạo Việt Nam (REVN) hiện đang đầu tư xây dựng những tuabin gió đầu tiên tại Bình Thuận, mỗi tuabin có công suất phát điện là 1,5 MW và đây là những tuabin gió hiện đại nhất ở Việt Nam.

Trước đó, trang trại Gió Phương Mai 3 cũng đã được khai trương và đặt tại Bình Định nhằm khai thác năng lượng gió tại Việt Nam. Dự kiến trong năm 2010, một số trại gió khác cũng sẽ được đưa vào hoạt động tại thành phố Đà Lạt và Côn Đảo. Tuy vậy, các chuyên gia cho rằng về phần lớn công nghệ năng lượng gió ở Việt Nam vẫn là một tiềm năng chưa thực sự được khai thác.

Vào tháng 4/2009, nhà máy sản xuất pin mặt trời đầu tiên tại Việt Nam đã được khánh thành với mức đầu tư 10 triệu USD, do Công ty cổ phần năng lượng mặt trời Đô TP Hồ Chí Minh kết hợp với hai đối tác là Trung tâm tiết kiệm năng lượng TP. Hồ Chí Minh (thuộc Sở Khoa học Công nghệ) và Công ty TNHH Tân Kỳ Nguyễn xây dựng.

Sự kiện này được kỳ vọng là một cú hích mạnh cho thị trường năng lượng tái tạo sạch tại Việt Nam. Với sản lượng công nghiệp, nhà máy dự kiến dành 40% sản phẩm cho thị trường nội địa và 60% xuất khẩu sang các nước châu Âu và châu Mỹ. Theo đánh giá của các chuyên gia, đây chính là công trình tiên phong trong công nghệ năng lượng, đặt nền tảng cho công nghệ pin mặt trời ở Việt Nam.

Giai đoạn 1, nhà máy đặt tại huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, có thể cung cấp các tấm pin năng lượng mặt trời, mỗi tấm công suất 80-165 Wp điện với hiệu suất 16%. Nhà máy có thể cung cấp lượng sản phẩm lên đến 5 MWp điện một năm. Đặc biệt, giá bán sản phẩm này sẽ thấp hơn 30% đến 40% giá bán lẻ trên thị trường hiện tại.

Giai đoạn 2, nhà máy sẽ sản xuất luôn linh kiện để lắp ráp pin từ nguyên liệu trong nước. Bên cạnh đó, nhà máy cũng thiết kế, lắp ráp và

chế tạo các sản phẩm tiết kiệm năng lượng như hệ thống máy nước nóng mặt trời, bóng đèn tiết kiệm năng lượng và những thiết bị tiết kiệm năng lượng khác.

Công ty Cenergy Power của Hoa Kỳ cũng đang có kế hoạch tiếp cận thị trường Việt Nam. Theo thông tin từ công ty này, Cenergy Power hiện đang hoàn tất hồ sơ để hoạt động tại Việt Nam. Kế hoạch tiếp theo là sẽ mở văn phòng và trung tâm đào tạo vào quý I/2010. 30 kỹ thuật viên và kỹ sư về năng lượng Mặt trời người Việt sẽ được công ty này đào tạo trong quý II/2010 và đến hết năm, số kỹ thuật viên và kỹ sư được đào tạo sẽ tăng lên 100 người. Ý định của Cenergy Power là chuyển giao công nghệ về năng lượng Mặt trời, nâng cao khả năng và nguồn lực trong các dự án năng lượng Mặt trời và biến Việt Nam thành nước dẫn đầu ASEAN trong lĩnh vực năng lượng Mặt trời, cả về số lượng dự án lẫn nguồn lực được đào tạo.

Một công ty khác là Công ty cổ phần tập đoàn quốc tế Kim Đình, có trụ sở tại Hà Nội lại hướng mục tiêu hoạt động của mình không chỉ trong việc nghiên cứu, phát triển năng lượng mới, năng lượng tái tạo mà còn cung cấp các sản phẩm và thực hiện các dự án trong lĩnh vực này. Thí dụ như các thiết bị năng lượng gió, năng lượng Mặt trời và các hệ thống kết hợp cả năng lượng gió và Mặt trời, các hệ thống viễn thông điều khiển tự động, các giải pháp năng lượng cho vùng sâu, vùng xa, phục vụ sản xuất nông-lâm-ngư nghiệp và chiếu sáng công cộng... Một dự án đã được thực hiện thành công là hệ thống đèn chiếu sáng sử dụng sức gió và năng lượng mặt trời tại Khu Công nghệ cao Láng-Hòa Lạc.

Như vậy, trong lĩnh vực năng lượng tái tạo, người ta mới thấy có sự nỗ lực của các doanh nghiệp tư nhân và các nhà khoa học. Theo một chuyên gia năng lượng đến từ châu Âu, tại các nước phát triển mạnh năng lượng tái tạo trên thế giới hiện nay đều có sự tài trợ và tham gia của Nhà nước vào các dự án lớn, kể cả nghiên cứu hay ứng dụng. Tuy nhiên, ngân sách hạn chế của Nhà nước đối với năng lượng tái tạo sạch có lẽ là cản trở lớn nhất để loại hình năng lượng này có thể đi vào cuộc sống và phát triển mạnh tại Việt Nam.

Theo An Hoàng (Báo Tia sáng)

Đề nghị kiểm điểm vận hành xả lũ thủy điện Sông



Thủy điện Ba Hạ

Bộ Công Thương vừa có công văn gửi Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Công ty Cổ phần thủy điện sông Ba Hạ (Phú Yên) yêu cầu kiểm điểm nguyên nhân, trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan trong công tác phòng chống bão lụt và vận hành xả lũ 2010. Đồng thời, chấn chỉnh công tác vận hành xả lũ tại các công trình thủy điện. Bộ công thương cho rằng, qua xem

xét, đánh giá công tác chuẩn bị phòng, chống bão lụt và vận hành tại công trình thủy điện Sông Ba Hạ trong mùa lũ năm 2010 cho thấy chủ đập chưa tuân thủ đầy đủ các quy định hiện hành liên quan đến việc đảm bảo an toàn cho công trình và hạ du. Bộ Công Thương yêu cầu khẩn trương tổ chức kiểm điểm cụ thể trách nhiệm của tập thể và các cá nhân có liên

quan; đánh giá nguyên nhân và làm rõ biện pháp khắc phục cùng các vấn đề liên quan. Đó cũng là cơ sở để xem xét, kịp thời chỉ đạo xử lý nhằm chấn chỉnh và tăng cường công tác quản lý, vận hành các công trình thủy điện.

Ngoài thủy điện Sông Ba Hạ, Bộ Công thương còn đề nghị kiểm điểm việc vận hành

Ba Hạ



xả lũ tại công trình thủy điện Hố Hô (Hà Tĩnh). Theo Bộ Công thương, trong mùa lũ 2010, các chủ đập công trình thủy điện Hố Hô và Sông Ba Hạ chưa tuân thủ đầy đủ các quy định hiện hành liên quan đến việc đảm bảo an toàn cho công trình và hạ du.

Theo Khánh Hằng, Báo Dân trí

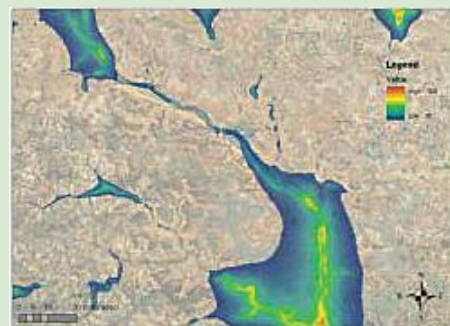
Vệ tinh giúp xác định

vi trí nguồn nước

Giống như hầu hết những nước châu Phi cận Sahara, Niger gặp nhiều vấn đề trong việc đảm bảo nhu cầu về nước. Là một phần trong giải pháp TIGER của ESA, dữ liệu vệ tinh đang được sử dụng để nhận biết những nguồn nước ngầm trong những nước thường xuyên bị hạn hán.

Vì sự biến thiên trong lượng mưa, trong những năm gần đây ngành nông nghiệp gặp rất nhiều khó khăn trong việc đảm bảo an ninh lương thực trong khu vực Sahel. Dự án WADE của ESA (Chương trình tìm kiếm nguồn nước ở những vùng đất sa mạc hoặc khô cằn ở Hệ sinh thái Tây Phi), do Data User Element tài trợ, sử dụng ERS và Ra đa độ mở tổng hợp Envisat (SAR) để lập bản đồ và kiểm soát vị trí và phân mở rộng của những vùng nước trên bề mặt nhằm nhận biết những khu vực nước thấm qua.

Sử dụng những bản đồ này sẽ giúp chính quyền địa phương quản lý tốt hơn nguồn nước của họ, đưa vật nuôi đến gần nguồn nước và cải thiện khả năng dự trữ nước. Hệ thống máy tính tiên tiến (ACS spa) tại Rome, Ý, đã phát triển hệ thống WADE cùng với những người sử dụng địa phương, do AGRHYMET đại diện (Trung tâm ủy ban liên bang điều hành hạn hán thường trực tại Sahel). Để chứng minh cho công nghệ này, dữ liệu ERS và Envisat SAR từ 1993 đến 2007 được kết hợp với dữ liệu trên vùng rộng 10000 km vuông ở vùng phía Tây Niger. Dựa trên những dữ liệu này, một bản đồ phân loại khu vực nước được tạo ra cho mỗi năm. Những kết quả được đánh giá dựa trên 90 mẫu thu do AGRHYMET thu thập trong mùa hè năm 2007 và cho thấy sự chính xác đến 100% đối với những nguồn nước cố định và 75% cho những nguồn nước bán cố định.



Advanced Computer Systems S.p.A

Issifou Alfari, Trưởng ban Điều hành nguồn nước và sa mạc hóa của AGRHYMET, cho biết: “Việc kiểm soát những nguồn nước cố định và bán cố định là việc cần thiết cho những hoạt động chăn thả và những khu vực nông nghiệp tưới tẩm ở những vùng cận khô hạn. Chúng tôi rất hài lòng với phạm vi và kết quả của dự án. Chúng tôi tin tưởng rằng, nguồn thông tin này sẽ là nền tảng cơ bản cho những hoạt động kiểm soát nguồn nước”.

Tháng 11 năm 2008, phần mềm và dữ liệu WADE được cài đặt tại cơ sở của AGRHYMET, tại Niamey, thủ đô Niger. Qua những khóa huấn luyện, những nhân viên AGRHYMET hiện đang sử dụng hệ thống này để thực hiện công việc quản lý của mình. Alfari cho biết: “Hệ thống WADE phù hợp với hoạt động thông thường của AGRHYMET, đặc biệt cung cấp thông tin quản lý nguồn nước chính xác ở mức độ khu vực và quốc gia”. ESA bắt đầu giải pháp TIGER năm 2002 để khai thác công nghệ quan sát Trái Đất (EO) nhằm đối phó với nhu cầu thông tin về nguồn nước cấp bách tại châu Phi. WADE là một trong năm dự án của TIGER, sử dụng công nghệ EO tiên tiến nhất để phát triển những giải pháp sáng tạo với chi phí rẻ để giúp đỡ chính quyền châu Phi trong việc kiểm soát những nguồn nước khan hiếm.

G2V Star (Theo Science Daily)

Mỹ giúp Việt Nam đánh giá tác động từ thủy điện sông Mê Kông



Việt - Mỹ ký kết biên bản ghi nhớ hợp tác về khoa học kỹ thuật

Trong buổi họp báo chiều 10.12 tại Hà Nội, bà Anne Castle, trợ lý bộ trưởng phụ trách nước và khoa học Mỹ khẳng định, Mỹ đang xây dựng dự án giúp dự báo tác động của các đập thủy điện ở thượng nguồn sông Mê Kông đối với hạ nguồn, trong đó có Việt Nam.

Đây là một trong những hoạt động thuộc khuôn khổ Biên bản ghi nhớ về Hợp tác khoa học và kỹ thuật (về lĩnh vực khoa học trái đất và quản lý hiệu quả tài nguyên thiên nhiên trong bối cảnh biến đổi khí hậu) vừa được ký kết giữa bộ Nội vụ Mỹ và bộ Tài nguyên và môi trường Việt Nam.

Theo bà Castle, cơ quan Khảo sát địa lý và trái đất của Mỹ đang xây dựng một mô hình thủy văn đối với khu vực sông Mê Kông. Mô hình này có thể giúp dự báo về các tác động của việc xây dựng các đập thủy điện ở thượng nguồn đối với khu vực ở hạ nguồn, đối với ngành thủy sản, môi trường. Cụ thể, mô hình sẽ cho thấy đập thủy điện tác động như thế nào với vùng Biển Hồ ở Campuchia và phù sa chảy xuống hạ nguồn, bao gồm cả đồng bằng sông Cửu Long của Việt Nam.

Bà Castle nhấn mạnh, đây có thể là công cụ hữu ích giúp cho các nhà hoạch định chính sách sử dụng để đưa ra quyết định những dự án phát triển nào nên làm và cái gì không nên làm. “Nó cũng là công cụ để chúng ta biết nên phát triển vùng thượng nguồn như thế nào là bền vững”.

Trả lời câu hỏi của Sài Gòn Tiếp Thị về mối liên hệ với tuyên bố hồi tháng 10.2010 của Ngoại trưởng Mỹ Hillary Clinton về sự quan ngại các đập thủy điện ở sông Mekong, ông

Daniel A. Clune, phó trợ lý Ngoại trưởng thứ nhất nói, “Tôi tin rằng điều mà bà Clinton đề xuất là nếu tạm dừng xây dựng các đập trong tương lai là điều tốt. Như vậy sẽ giúp các chính phủ cân nhắc hơn, thu thập các con số liệu khoa học và đưa ra các quyết định tốt nhất. Chúng tôi cũng hy vọng giúp đỡ các nước vì chúng tôi cũng có thể cung cấp các dữ liệu chúng tôi có. Ngoại trưởng Clinton tuyên bố là nên có một nghiên cứu kéo dài 3 năm về phát triển thủy điện ở khu vực này và chúng tôi rất ủng hộ thúc đẩy lời tuyên bố của bà”.

Bà Castle và ông Clune dẫn đầu đoàn đại biểu hơn 40 người từ phía Mỹ đến Hà Nội tham dự Phiên họp lần thứ 7 của ủy ban hỗn hợp về hợp tác Khoa học và công nghệ Việt - Mỹ trong hai ngày 9 và 10.12.

Đánh giá về biên bản ghi nhớ được ký kết chiều cùng ngày, bà Castle cho rằng, việc này đánh dấu thành công trong hợp tác hai nước về khoa học công nghệ trong quá khứ và tạo nền tảng cho hợp tác sâu sắc hơn trong tương lai. “Cả hai nước đều cố gắng làm sao cho hệ sinh thái bền vững hơn và chống chịu tốt hơn trong biến đổi khí hậu. Đồng thời hai nước cũng quan tâm tới việc tìm hiểu về lưu vực, các con sông để bị tổn hại do biến đổi khí hậu”.